

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC - CỘI NGUỒN SỨC MẠNH CỦA DÂN TỘC TA TRONG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP - TỰ DO

PGS. TS Nguyễn Văn Khánh

Trong nhiều thế kỷ trước đây, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã từng đóng vai trò lịch sử to lớn, trở thành động lực tinh thần của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, nhất là trong cuộc đấu tranh chống lại các thế lực bành trướng phương Bắc.

Từ giữa thế kỷ XIX, dân tộc ta lại phải đối đầu với một kẻ thù xâm lược đến từ phương Tây, có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn mạnh hơn gấp nhiều lần. Trước nguy cơ mất còn của nền độc lập dân tộc, nhân dân ta đã tạm gác mâu thuẫn giai cấp (chủ yếu giữa nông dân và giai cấp địa chủ phong kiến cầm quyền) để tập hợp dưới lá cờ đại nghĩa của các văn nhân thân sĩ phu yêu nước quyết sống mái với quân thù xâm lược.

Trong phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ vào giữa thế kỷ XIX đã xuất hiện nhiều tấm gương quả cảm, sẵn sàng chiến đấu đến cùng vì sự nghiệp cứu nước cứu dân, như Nguyễn Hữu Huân, Bùi Hữu Nghĩa, Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Đình Chiểu v.v...

Chính Hồ Huân Nghiệp đã có thời gian sát cánh chiến đấu cùng Trương Định. Đến lúc Trương Định mất, căn cứ Gò Công thất thủ, ông lại tiếp tục lãnh đạo nghĩa quân chống giặc cho tới khi bị bắt. Trước lúc bị hành hình, ông vẫn nêu cao tinh thần yêu nước, bình tĩnh đọc hết bốn câu thơ thể hiện khí phách và tấm lòng cao thượng của một bậc trượng phu:

“Thấy nghĩa lòng đâu dấm hừng hờ
Lam trai, ngay thảo quyết tồn thờ.
Thân này sống chết không mảy nhắc
Thương bấy mẹ già tóc bạc phơ”(1).

Tư tưởng và tình cảm yêu nước của các tầng lớp nhân dân không chỉ biểu lộ trong cuộc chiến đấu trực diện với kẻ thù dân tộc, mà còn được thể hiện trên lĩnh vực văn học nghệ thuật. Nhiều sĩ phu văn thân đã dùng ngòi bút của mình để viết văn, làm thơ tỏ rõ tinh thần yêu nước và ý chí chống xâm lược của mình. Trong số những văn hào kiêm chiến sĩ ấy đã xuất hiện một con người - một ngôi sao mà tài năng và đức độ có thể được xếp bên cạnh những vì sao chói lọi như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, đó là ông đồ Nguyễn Đình Chiểu.

Trong cảnh rối ren của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX có những người sĩ phu không trực tiếp theo giặc, nhưng vì quá bạc nhược và không hiểu biết kẻ thù nên đã biểu thị thái độ đầu hàng quân xâm lược. Đó là những trường hợp Lâm Duy Hiệp, Nguyễn Bá Nghi, Trương Đăng Quế... Nhưng Nguyễn Đình Chiểu thuộc bộ phận sĩ phu dứt khoát đứng về phía nhân dân để kháng chiến cứu nước. Ý chí chiến đấu đến cùng của ông đã thể hiện rõ ràng và đầy đủ trong lời tuyên ngôn: “Anh hùng thì thác chẳng đầu Tây”.

Có thể nói, trong con người Nguyễn Đình Chiểu và các sĩ phu yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX, lòng yêu nước thương dân, nỗi đau xót khi làng xóm quê hương bị tàn phá đã luôn luôn gắn liền với lòng căm thù giặc sâu sắc. Đó cũng chính là hai mặt không thể tách rời của tâm hồn người sĩ phu yêu nước trước nạn giặc ngoại xâm.

Nhưng ý chí chiến đấu và tinh thần yêu nước cao cả ấy của các sĩ phu và nhân dân ta vẫn không thể ngăn cản nổi hành động xâm lược của thực dân Pháp. Do thái độ bạc nhược, cầu hòa của triều Nguyễn cộng với ưu thế sức mạnh vật chất áp đảo của quân xâm lược, thực dân Pháp đã từng bước mở rộng phạm vi đánh chiếm và đặt ách đô hộ lên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Từ sau hiệp ước Harmand (1883) và hiệp ước Patenôtre (1884), nước ta chính thức trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, tất cả các quyền dân tộc cơ bản đều bị thủ tiêu, trong đó có quyền tự do và độc lập.

Để giành lại nền độc lập dân tộc, theo lời hiệu triệu “Cần Vương” của vua Hàm Nghi và Triều đình kháng chiến, từ năm 1885, nhân dân

cả nước đã anh dũng vùng lên, tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh bền bỉ chống thực dân Pháp xâm lược. Cuộc đấu tranh chính nghĩa để khôi phục nền độc lập dân tộc vào cuối thế kỷ XIX đã thu hút sự tham gia, ủng hộ của nhiều giai tầng xã hội: nông dân và thợ thủ công, văn thân sĩ phu và cả bộ phận công nhân vừa mới ra đời. Phạm vi của cuộc kháng chiến mở rộng trên phạm vi cả nước với hàng loạt các đội nghĩa quân, tiêu biểu nhất là đội quân Ba Đình - Hùng Lĩnh ở Thanh Hoá, đội quân Hương Sơn - Hương Khê ở Hà Tĩnh, đội quân Bãi Sậy - Hai Sông ở Hưng Yên - Hải Dương.

Trong phong trào đấu tranh vũ trang quyết liệt ấy, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam lại có dịp được biểu lộ và thể hiện sinh động thông qua các hoạt động chiến đấu của nghĩa quân và tầng lớp văn thân sĩ phu - những người trực tiếp nắm vai trò lãnh đạo phong trào. Trước cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, một bộ phận sĩ phu quan lại vì quyền lợi ích kỷ của mình đã chấp nhận cầu hoà, rồi đầu hàng và cam tâm làm tay sai cho địch. Một số người có thái độ trung dung không muốn cộng tác với địch, nhưng cũng không đứng hẳn về phía nhân dân yêu nước. Còn một bộ phận khác bao gồm các sĩ phu và quan lại có tinh thần yêu nước do hiểu và thông cảm với nguyện vọng của nhân dân nên đã đứng ra tập hợp lực lượng nhân dân và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo phong trào kháng chiến chống Pháp. Những sĩ phu này chiến đấu hy sinh không phải vì quyền lợi riêng của triều đình và giai cấp địa chủ phong kiến, mà là để bảo vệ nhân dân, giành lại nền độc lập tự do cho Tổ Quốc. Họ đã phát huy mặt yêu nước, thương dân và tiếp nối truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc. Với tinh thần yêu nước, các sĩ phu đã tự nguyện rời bỏ mọi chức tước, của cải, ruộng vườn, thậm chí còn hy sinh cả gia đình, vợ con để cùng với nhân dân kháng chiến. Địa vị, tiền tài không thể lay chuyển được tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu của họ. Phan Đình Phùng mặc cho địch quật mổ mà ông cha và bất cứ hành hạ những người thân vẫn không chịu khuất phục. Nguyễn Quang Bích ngay khi ốm nặng vẫn khẳng định tấm lòng trung nghĩa không gì lay chuyển nổi của mình:

“Đá mòn nước chảy lòng khôn đổi
Trời đất trù gan vẫn thế thôi” (2).

và chỉ dân dò người nhà lấy ngày thất thủ Hung Hoá làm ngày giỗ. Còn những người bị giặc bắt đều nêu cao tấm gương “chết vinh còn hơn sống nhục”. Ở trong tù, Nguyễn Duy Cung vẫn lấy máu viết hịch kêu gọi nhân dân chống Pháp. Còn Nguyễn Cao đã tự rạch bụng trước mặt địch làm chúng khiếp vía. Tống Duy Tân bị giặc nhốt trong cũi, vẫn bình tĩnh viết thư yêu nước đến lúc bị hành hình...

Tinh thần chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì đất nước trên đây không thể có ở giai cấp phong kiến suy tàn hay đã đầu hàng giặc, mà chỉ có thể bắt nguồn từ ý thức tự tôn, truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc. Tuy nhiên, do hạn chế về điều kiện giai cấp xuất thân và hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX, các sĩ phu văn thân yêu nước đã không thể giải quyết được mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với tiến bộ xã hội, giữa cái đích cuối cùng của cuộc đấu tranh giải phóng và các yêu cầu bức thiết trước mắt của nhân dân. Thêm vào đó, đến lúc này cả triều đình Huế và giai cấp phong kiến cầm quyền đều đã đầu hàng quân xâm lược, trở thành lực lượng đối lập với dân tộc và nhân dân, trong khi đó mục đích của phong trào Cần Vương là đánh đuổi bọn thực dân và khôi phục chế độ phong kiến độc lập. Chính vì vậy, mặc dù rất yêu nước và quyết tâm chiến đấu, các sĩ phu Cần Vương vẫn không có khả năng huy động và khai thác đến mức cao nhất mọi tiềm năng của nhân dân, sức mạnh của cả dân tộc vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước. Thất bại của phong trào Cần Vương đã làm thui chấy luôn niềm hy vọng mong manh và ảo tưởng cuối cùng về một xã hội thái bình thịnh trị gắn liền với một triều đình phong kiến độc lập. Thất bại đó cũng đẩy chủ nghĩa yêu nước Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng cả về mục đích lẫn nội dung. Nghĩ về con đường cứu nước cũ, nhiều sĩ phu yêu nước chỉ còn biết ngậm ngùi nuối tiếc, rồi buột ra những lời than thở:

“Thôi Thánh hiến ! Thôi hào kiệt ! Thôi anh hùng!
Nghìn năm sự nghiệp nước về Đông”.
(Võ Liêm Sơn)

Cũng có sĩ phu đã tự trách mình và tìm cách lý giải cái bi kịch của những người học Nho và đi theo tư tưởng Nho giáo là do chỗ:

**"Đem thân khoa bảng làm tôi Pháp
Chỉ tại nhà nho học chữ Tàu".**

(Vũ Phạm Hàm).

Mặc dù chủ nghĩa yêu nước được hình thành trên cơ sở ý thức hệ Nho giáo đã tỏ ra bất lực, sự nghiệp cứu nước của các sĩ phu Cần Vương cũng chưa giành được thắng lợi, nhưng tình cảm yêu nước trong nhân dân và các sĩ phu thì vẫn nung nấu, mãnh liệt. Chính tình cảm yêu nước ấy đã thôi thúc các sĩ phu - những trí thức của dân tộc đi tìm một con đường mới, một hướng đi mới để cứu dân, cứu nước theo lập trường dân tộc tư sản. Cùng với quá trình chuyển biến của phong trào dân tộc từ phạm trù phong kiến sang tư sản, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cũng dần dần biến đổi về nội dung và hình thức, thể hiện qua hai khuynh hướng bạo động và cải cách do các sĩ phu tiên bộ đầu thế kỷ XX đại diện.

Đóng vai trò khởi xướng và lãnh đạo khuynh hướng bạo động là Phan Bội Châu. Ông chủ trương dùng khởi nghĩa vũ trang để lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc rồi đưa đất nước phát triển theo con đường của Nhật Bản. Để thực hiện mục đích đó, Phan Bội Châu đã cùng với các đồng chí thành lập hội Duy Tân (năm 1904), đồng thời vận động thanh thiếu niên sang du học ở Nhật dạng thiết thực chuẩn bị lực lượng cho sự nghiệp lớn về sau. Trên thực tế, phong trào Đông Du và hội Duy Tân đã thu hút được sự ủng hộ, tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân ở khắp Bắc, Trung, Nam. Nhưng sau mấy năm tồn tại, vào đầu năm 1909, phong trào đã bị đàn áp thất bại, hội Duy Tân cũng dần dần tan rã trước sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù. Thất bại của phong trào Đông Du đã giúp Phan Bội Châu và các sĩ phu chủ trương bạo động hiểu rằng, dù da trắng hay da vàng, đồng chủng hay đồng văn, thực dân Pháp hay đế quốc Nhật, bọn chúng cũng đều là "một phường cướp nước như nhau cả mà thôi".

Chính vì có tấm lòng yêu nước nhiệt thành nên dù có phải chịu nhiều thất bại, dù phải thay đổi phương sách hành động, Phan Bội Châu vẫn sẵn sàng chấp nhận, miễn là có thể thực hiện được mục đích cuối cùng. Từ quan niệm ấy, trong bối cảnh thắng lợi của Cách mạng Tân Hợi, vào đầu năm 1912, Phan Bội Châu từ Xiêm (Thái Lan) trở lại

Quảng Đông (Trung Quốc) để cùng các sĩ phu khác thành lập một tổ chức chính trị mới lấy tên là Việt Nam quang phục hội. Tôn chỉ mục đích của tổ chức này là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nền độc lập, thành lập nước Cộng hoà dân quốc Việt Nam thay thế cho chính thể quân chủ lập hiến mà trước đây Duy Tân hội chủ trương.

Do chưa có lý luận cách mạng đúng đắn (3) nên Việt Nam quang phục hội không tranh thủ được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân, và cũng không xây dựng được các cơ sở ở trong nước. Hoạt động của tổ chức này nặng về khủng bố, ám sát cá nhân. Vì vậy, sau một vài vụ bạo động lẻ tẻ ở dọc biên giới phía Bắc, nhất là sau những cố gắng cuối cùng trong âm mưu khởi nghĩa của vua Duy Tân ở Huế (1916) và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (1917), Việt Nam quang phục hội tan rã hẳn, chấm dứt sự tồn tại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng bạo động.

Bên cạnh khuynh hướng bạo động của Phan Bội Châu, đầu thế kỷ XX còn xuất hiện và tồn tại một khuynh hướng cứu nước bằng phương pháp cải cách do Phan Châu Trinh khởi xướng và đại diện. Phan Châu Trinh cho rằng, số dĩ dân tộc Việt Nam đói khổ, tăm tối chủ yếu là do nhà cầm quyền Pháp dung túng cho quan lại Việt Nam; còn quan lại Việt Nam thì lợi dụng điều đó để hà hiếp, bóc lột nhân dân, khiến cho sưu cao thuế nặng. Vì vậy, ông chủ trương cải cách xã hội, nhằm thực hiện 3 mục tiêu: chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh. Để đạt được ước vọng này, Phan Châu Trinh mong muốn chính quyền Pháp ban hành chính sách "... kén chọn người hiền tài, trao quyền bính cho, lấy lễ mà tiếp, lấy thanh mà đãi, cùng nhau lo toan việc đày lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo... Những việc đối pháp luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt toà tu thư, dạy lớp sư phạm, cho đến học công thương, học mỹ nghệ và các ngành sưu thuế đều cải lương dần dần" (4). Chủ trương "ý Pháp cầu tiến" của Phan Châu Trinh đã làm dấy lên phong trào Duy Tân sôi nổi trên khắp cả nước, thu hút sự tham gia của đông đảo sĩ phu và nhân dân yêu nước.

Tại Bắc Kỳ, sau khi trường Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời (3-1907), các sĩ phu tiến bộ ở một số tỉnh như Hải Dương, Thái Bình, Quảng Yên... cũng đua nhau mở trường dạy học theo lối mới. Thông

qua hoạt động của các trường, tư tưởng yêu nước, chống thù cạm ngày càng thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân, biến thành một làn sóng cổ súy Duy Tân mạnh mẽ.

Ở miền Trung, các hoạt động mở trường dạy học được gắn chặt với phong trào chấn hưng kinh tế, mở mang công thương nghiệp. Nhiều cơ sở kinh doanh, hội sản xuất của thanh niên yêu nước và các nhà Nho đã được thành lập, như *Triều dương thương quán* (ở Nghệ An), *Quảng Nam hiệp thương công ty* (ở Quảng Nam). Tư tưởng cải cách thâm nhập vào quần chúng đã dần dần biến thành sức mạnh vật chất, dẫn đến sự bùng nổ cuộc đấu tranh chống sưu thuế quyết liệt của nông dân các tỉnh Trung Kỳ vào đầu năm 1908, làm cho thực dân Pháp vô cùng hoảng sợ.

Không chỉ dừng lại ở miền Trung, phong trào Duy Tân còn phát triển tới cả các tỉnh Nam Kỳ. Tại đây một số sĩ phu tư sản hoá, trí thức tân học đã đứng ra lập nhà hàng, khách sạn, các cơ sở sản xuất kinh doanh buôn bán như: *Minh Tân công nghệ xã* của Trần Chánh Chiếu, *Chiêu Nam Lầu* của Nguyễn An Khương v.v... (5).

Hoạt động Duy Tân cải cách đã trở thành một phong trào, một khuynh hướng yêu nước thực sự diễn ra trên phạm vi cả nước. Thông qua các phong trào xây dựng trường dạy học, mở mang kinh tế, khuynh hướng cải cách đã góp phần khơi dậy ý thức tự cường dân tộc, truyền bá các tư tưởng dân chủ tự do trong nhân dân, đồng thời chống lại các quan điểm phong kiến lạc hậu, bảo thủ. Tuy nhiên, hạn chế cơ bản của Phan Châu Chinh và khuynh hướng cải cách là chưa xác định được đúng đối tượng đấu tranh và nhiệm vụ cơ bản của dân tộc ta lúc bấy giờ. Thêm vào đó, ông còn ảo tưởng và hy vọng dựa vào Pháp để chống bọn quan lại sâu mọt và canh tân đất nước.

Như vậy, xuất phát từ tình thần yêu nước, các sĩ phu Việt Nam đầu thế kỷ XX đã tìm chọn và hăng hái đi xướng nhiều con đường, và phương cách khác nhau để cứu dân, cứu nước. Tuy nhiên, do chưa có đường lối và phương pháp hoạt động đúng đắn, phù hợp nên con đường cứu nước của các sĩ phu tiến bộ đã không giành được thắng lợi. Thất bại của thế hệ các sĩ phu tư sản hoá trong sự nghiệp cứu nước đã

giúp cho các thế hệ sau "trông bánh xe đã đổ trước, thay đổi con đường thất bại, tìm kiếm con đường thành công" (6).

Vào những năm sau chiến tranh thế giới I, trong bối cảnh lịch sử mới, tư tưởng yêu nước Việt Nam lại có dịp biểu lộ và phát triển mạnh mẽ dưới nhiều màu sắc phong phú. Do được tiếp xúc với các tư tưởng tự do dân quyền qua sách báo phương Tây, một số thanh niên trí thức đã hăng hái đứng ra xuất bản sách báo, thành lập các thư xã để mua bán và truyền bá các tư tưởng yêu nước và tiến bộ. Nhiều tác phẩm văn học có khuynh hướng yêu nước tiến bộ (truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ...) cũng đã được xuất bản.

Phong trào viết báo và xuất bản báo chí đã có tác dụng châm ngòi và làm dấy lên một cao trào đấu tranh đòi tự do dân chủ sôi nổi ở nước ta trong những năm 1925-1926 xung quanh vụ án Phan Bội Châu và đám tang Phan Châu Trinh.

Từ trong cao trào đấu tranh sôi nổi ấy đã hình thành các nhóm chính trị và tổ chức yêu nước như *Hội phục Việt*, *Đảng thanh niên*. Song điều đáng chú ý là: họ "chưa từng hỏi mình theo chủ nghĩa gì cũng như Đảng sẽ theo chủ nghĩa gì. Họ mới gặp nhau ở chỗ yêu nước, ghét Tây, muốn có một tập đoàn chiến đấu"(7). Chỉ đến khi Việt Nam Quốc dân Đảng ra đời (25.12.1927) thì một khuynh hướng yêu nước mới có tính chất dân chủ tư sản mới được xác lập. Nhưng do đường lối chính trị thiếu nhất quán, chưa đáp ứng được yêu cầu nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân nên không được đông đảo nhân dân tham gia, ủng hộ. Trong mấy năm tồn tại, Việt Nam quốc dân Đảng chỉ xây dựng được một số cơ sở ở Bắc Kỳ. Thêm vào đó, công tác tổ chức và phát triển đảng viên của Đảng rất sơ hờ, lỏng lẻo, phương thức hoạt động nặng về ám sát, khủng bố cá nhân.

Sau vụ án Ba Zin - chủ sở mộ phu ở Bắc và Trung kỳ vào 2.1929 và trước nguy cơ tan rã hoàn toàn của Đảng, những người lãnh đạo tổ chức này quyết định tổ chức cuộc khởi nghĩa vũ trang quy mô lớn với phương châm "không thành công thì thành nhân", "chết đi cho tinh thần dân tộc còn sống". Nhưng do công tác chuẩn bị thiếu chu đáo,

nhất là trong điều kiện thực dân Pháp còn đang mạnh, cuộc khởi nghĩa không thể tránh khỏi thất bại trước sự đàn áp của quân thù.

Khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) là một bằng chứng về tinh thần yêu nước và ý chí độc lập tự cường của nhân dân ta; nó chứng tỏ mối mâu thuẫn giữa dân tộc ta và bọn đế quốc thực dân xâm lược đã trở nên vô cùng gay gắt, đòi hỏi phải được giải quyết bằng cuộc cách mạng bạo lực. Tuy nhiên, thất bại của khởi nghĩa Yên Bái cũng nói lên sự bất lực hoàn toàn của giai cấp tư sản Việt Nam cũng như của xu hướng cứu nước trên lập trường tư sản. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam lại một lần nữa rơi vào tình trạng khủng hoảng, mất phương hướng.

Thực tế tồn tại của phong trào dân tộc tư sản hồi đầu thế kỷ XX đã chỉ ra rằng, lý tưởng dân tộc tư sản vẫn còn xa lạ đối với nhân dân ta. Lý tưởng đó vừa bao hàm những nội dung trừu tượng, vừa không đáp ứng được các quyền lợi và nhu cầu bức thiết của quần chúng nhân dân. Trong khi đó, cơ sở xã hội bảo đảm sự sinh tồn và phát triển của những tư tưởng đó lại quá mỏng manh, yếu ớt. Vì vậy, các trào lưu tư tưởng tư sản từ phương Tây truyền đến nước ta, rồi ra đi một cách nhẹ nhàng, nhanh chóng mà chẳng đọng lại một dấu vết gì đáng kể.

Sự bất lực của chủ nghĩa yêu nước phong kiến và sự thất bại của chủ nghĩa yêu nước trên lập trường tư sản đã đặt chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đứng giữa ngã ba đường. "Quay lại với giáo lý Khổng Mạnh và các quan điểm phong kiến thì không được nữa rồi. Nhưng tiến lên theo lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, ngọn cờ của kẻ xâm lược và thống trị nước mình thì cũng rất vô vọng, mông lung(8).

Giữa lúc cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta đang bị khủng hoảng thì một thanh niên ưu tú, về sau là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, cũng vì yêu nước thương dân mà quyết tâm rời xa Tổ quốc để đi tìm con đường cứu nước mới, đang có thể cứu giúp đồng bào. Trải qua nhiều năm bôn ba hoạt động và nghiên cứu ở nước ngoài, cuối cùng Người đã tìm thấy cái cầm nang thần kỳ để cứu nước là tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tại đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã kiên quyết ủng hộ việc thành lập Đảng cộng sản Pháp và đứng hẳn về phía Quốc tế III (tức Quốc tế Cộng sản). Bằng sự

kiện đó, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện một cuộc hoá thân từ một nhà yêu nước trở thành một người cộng sản. Như vậy, chính chủ nghĩa yêu nước đã thúc đẩy Người đi tìm đường cứu nước, và rồi lại dẫn dắt Người đến với chủ nghĩa cộng sản khoa học, và Người đã hiểu rằng: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"(9). Sau này, ôn lại quãng thời gian đi tìm đường cứu nước đầy gian khổ của mình, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"(10).

Với việc tìm ra con đường cứu nước mới của Nguyễn Ái Quốc, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đã có hướng đi đúng đắn và chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cũng thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, bước sang một giai đoạn phát triển mới. Kế thừa các giá trị truyền thống văn hoá của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước kiểu mới đã kết hợp được những di sản tinh thần quý báu của dân tộc như đoàn kết, nhân ái, "nhiều điều phù lấy giá gương"... với những tư tưởng và giá trị mới của thời đại.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam kiểu mới được hình thành từ những năm 20 của thế kỷ có bản chất giai cấp và nội dung khác về chất so với chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Đó là chủ nghĩa yêu nước theo lập trường của giai cấp công nhân, gắn liền với hệ tư tưởng cách mạng tiên tiến nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lênin. Nói cách khác, nền tảng của chủ nghĩa yêu nước kiểu mới đó là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó cốt lõi là sự kết hợp giữa độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nếu chủ nghĩa yêu nước truyền thống được biểu hiện chủ yếu ở tinh thần yêu nước nồng nàn, tình cảm tương thân, tương ái, những hành động anh hùng trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước thì chủ nghĩa yêu nước kiểu mới không chỉ phát huy đến tấc cao mới những tình cảm yêu nước và ý thức tự cường dân tộc mà còn chứa

định quan điểm và nhận thức mới về con đường giải phóng dân tộc, về mục tiêu xã hội và các phương sách nhằm đạt tới mục tiêu đó. Tóm lại là nó bao hàm một hệ thống lý luận chính trị tiên tiến về sự nghiệp cứu nước, để từ đó đưa nhân dân và đất nước ta thoát khỏi cảnh lầm than nô lệ của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Sau khi đã tìm thấy con đường cứu nước, và với những tình cảm yêu nước mới mạnh mẽ, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành truyền bá các tư tưởng và lý luận cách mạng vào trong nước, giác ngộ cho các tầng lớp nhân dân ta. Thông qua các hoạt động của Người, tư tưởng Mác - Lênin đã từng bước thâm nhập và thấm dần vào các tầng lớp nhân dân lao động, làm dấy lên phong trào cách mạng dân tộc dân chủ sôi nổi khắp Bắc, Trung, Nam, dẫn tới sự xuất hiện nhiều tổ chức cách mạng của thanh niên và trí thức yêu nước. Tháng 6 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên nhằm xúc tiến chuẩn bị các điều kiện thành lập chính Đảng cộng sản ở Việt Nam. Do đảo lại có đường lối chính trị phù hợp với quyền lợi của công nông, và các giai tầng xã hội khác nên tổ chức này đã thu hút được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân. Nhờ các hoạt động tích cực của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, phong trào công nhân và phong trào yêu nước cũng ngày càng phát triển và ngả dần theo khuynh hướng cộng sản.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trên cơ sở thống nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta, đã chứng tỏ hệ tư tưởng cộng sản và xu hướng cứu nước theo lập trường giai cấp công nhân đã chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc. Trong *Chính cương vắn tắt* của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã chỉ rõ con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là: trước làm cách mạng tư sản dân quyền rồi sau tiến tới xã hội cộng sản⁽¹¹⁾. Để thực hiện mục tiêu đó, Đảng phải thu phục đại đa số công nhân và nông dân, vì đó là lực lượng nòng cốt, là "gốc của cách mạng". Tuy nhiên "không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung",^(12;13) mà phải "hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để lôi kéo họ về phe vô sản giai cấp"⁽¹⁴⁾. Bởi vì trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được dân tộc khỏi ách thực dân, phải khơi dậy lòng yêu nước của mọi người Việt nam yêu nước. Theo quan điểm này, nếu là

người Việt Nam yêu nước thì phải dốc lòng dốc sức tham gia, ủng hộ sự nghiệp chống thực dân Pháp, giải phóng dân tộc.

Dưới ánh sáng đường lối cách mạng của Đảng, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam kiểu mới đã được hoàn thiện thêm về nội dung và được nhận thức một cách đầy đủ, sâu sắc hơn. Từ năm 1930 trở đi, chủ nghĩa yêu nước ấy đã được phát huy và biến thành động lực trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Trong những năm xây dựng và chuẩn bị lực lượng cho cách mạng giải phóng dân tộc, biết bao đảng viên và quần chúng trung kiên đã bị giặc bắt, tù đầy, khảo tra, thậm chí không ít người đã anh dũng hy sinh trước mũi súng quân thù. Nhưng nhờ được Đảng giác ngộ, nhờ có tình cảm yêu nước mạnh mẽ, họ đã không hề bị khuất phục, nản lòng, mà trái lại vẫn giữ vững niềm tin và hy vọng vào sự nghiệp chính nghĩa của cách mạng, vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

Năm 1939, chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, rồi tiếp đó năm 1940 phát xít Nhật kéo quân vào Đông Dương, tăng cường áp bức bóc lột nhân dân ta khiến mâu thuẫn dân tộc lên tới đỉnh điểm. Trong bối cảnh đó, nắm bắt được nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, trên cơ sở phân tích tình hình trong nước và thế giới, Đảng ta và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã quyết định đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc lên nhiệm vụ hàng đầu và khẳng định: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"(15).

Nhằm đạt được mục tiêu trọng yếu đó, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân ta xúc tiến chuẩn bị mọi mặt: từ chính trị đến vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng ..., đón thời cơ đứng lên khởi nghĩa giành lại chính quyền. Trước giờ phút quyết định vận mệnh của đất nước, ngày 16.8.1945, Đại hội quốc dân được triệu tập ở Tân Trào (Tuyên Quang), đã thể hiện sự đồng lòng hưởng ứng của cả dân tộc, sự thống nhất giữa những người lãnh đạo và các tầng lớp nhân dân. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam lúc này đã được chuyển hoá thành

máu thịt, và bằng quyết tâm "Dù đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập".

Ngay sau Đại hội quốc dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời hiệu triệu: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta(16).

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương, toàn thể nhân dân Việt Nam từ Nam chí Bắc, từ đồng bằng lên miền núi đã nhất tể đứng lên tạo thành một cơn lốc cách mạng nhấn chìm bọn xâm lược Nhật, Pháp. Trong những ngày tháng Tám năm 1945, lịch sử Việt Nam đã chứng kiến sự phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Sau hơn tám mươi năm đấu tranh bền bỉ chống ách đô hộ thực dân, cách mạng tháng Tám 1945 đã biến ước vọng độc lập, tự do thành hiện thực sinh động và là lẽ sống thiêng liêng của cả dân tộc. Vì vậy, "toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy(17).

Nền độc lập tự do giành lại chưa được bao lâu thì thực dân Pháp núp sau quân Đồng minh âm mưu trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Từ tháng 11 năm 1946, quân Pháp bắt đầu nổ súng gây hấn ở Hải Phòng, Hà Nội. Trước hành động ngang ngược và âm mưu xâm lược trắng trợn của giặc, Đảng ta và Hồ chủ tịch đã ra lời kêu gọi chính thức phát động cuộc kháng chiến trong toàn quốc. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên đọc ngày 19.12.1946 có giá trị như bản hịch hiệu triệu cứu nước, đã khơi dậy mạnh mẽ tình cảm yêu nước, ý thức dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam với ý chí "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"(18). Khẩu hiệu đấu tranh vẫn là: "Tổ quốc trên hết", "dân tộc trên hết". Đảng và Bác Hồ còn khẳng định: "Kẻ thù chính của chúng ta lúc này là thực dân Pháp xâm lăng, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng".

Nghe theo tiếng gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, nhân dân Hà Nội đã chiến đấu rất

dũng cảm với tinh thần "Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh" để bảo vệ từng căn nhà, góc phố của thủ đô. Tiếp bước quân và dân Hà Nội, nhân dân ta ở khắp nơi trong nước đã nhất tề đứng lên kháng chiến. Những "tối hậu thư", những binh đoàn lê dương thiện chiến cùng máy bay, xe tăng, đại bác, tàu chiến, với chính sách "giết sạch, đốt sạch, cướp sạch"... của thực dân Pháp vẫn không làm quân dân ta run sợ, trái lại càng làm tăng thêm lòng căm thù bọn cướp nước và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, mỗi người dân là một dũng sĩ giết giặc, mỗi làng xóm, đường phố trở thành một chiến lũy chống quân xâm lược. Những chiến công vang dội trong các chiến dịch Việt Bắc, Biên giới đã xuất hiện ngay khi đất nước còn đang bị bao vây bốn phía. Càng đánh, ý chí chiến đấu và quyết tâm giành thắng lợi của quân và dân ta càng được nâng cao. Trong cuộc chiến đấu sống mái với kẻ thù, tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam một lần nữa được bộc lộ rõ rệt qua những tấm gương hy sinh thân mình để lấp lỗ châu mai (Phan Đình Giót), lấy thân chèn bánh pháo (Tô Vĩnh Diện)v.v... Chính sức mạnh của lòng yêu nước, của ý chí không có gì quý hơn độc lập tự do và tinh thần chiến đấu anh dũng của quân và dân ta đã đưa sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi với trận Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu". Có được thắng lợi vĩ đại đó - như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định - là do Đảng ta biết "làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến"(19).

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc chưa được bao lâu thì đế quốc Mỹ lại tìm cách can thiệp vào miền Nam, âm mưu biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản lan tràn xuống khu vực Đông Nam Á. Từ đây, cách mạng Việt Nam phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: cải tạo XHCN và xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân ở miền Nam. Trong hoàn cảnh lịch sử đó, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có một hình thái đặc biệt, thể hiện ở tinh thần hết lòng gắn bó với công cuộc xây dựng chế độ XHCN, đồng thời

sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ở miền Nam trong những năm đầu chống Mỹ, cuộc kháng chiến diễn ra với biết bao gian truân, tổn thất. Nhưng nhờ có tình cảm yêu nước sâu sắc và ý chí cách mạng kiên cường, nhân dân miền Nam đã đập bằng mọi gian khổ, hy sinh, từng bước xây dựng và chuyển hoá lực lượng cách mạng, đưa cuộc kháng chiến tiến lên giành những thắng lợi ngày càng to lớn. Phong trào Đồng Khởi (1959- 1960) là kết quả của tinh thần đấu tranh anh dũng, chấp nhận hy sinh của hàng triệu đồng bào miền Nam nhằm chống lại chính sách khủng bố man rợ của kẻ thù để giữ gìn thành quả của cách mạng. Lòng yêu nước và tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của các tầng lớp nhân dân đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho lực lượng vũ trang và kết hợp lực lượng quần chúng với các lực lượng vũ trang nhân dân tạo thành sức mạnh tổng hợp của cách mạng, đưa cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ cả về thế và lực.

Ở miền Bắc trong thời kỳ chống Mỹ, tình cảm yêu nước của mỗi người dân trước hết gắn liền với tinh thần và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ : "Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một ấm no thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"(20) .

Trong tâm hồn nhân dân miền Bắc, tình cảm yêu nước đã gắn bó, hoà quyện với tình yêu chế độ xã hội chủ nghĩa. Với khẩu hiệu "Tất cả vì miền Nam ruột thịt", "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", nhân dân miền Bắc vừa vững tay cày, tay súng, vừa ra sức huy động sức người, sức của chi viện cho cách mạng miền Nam. Cùng với hàng triệu tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men được bí mật vận chuyển đến các chiến trường, còn có hàng triệu thanh niên là bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân, thầy thuốc, nhà báo, nhà văn... với tinh thần "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, đã ngày đêm tiến vào mặt trận, hỗ trợ và sát cánh cùng với đồng bào miền Nam chiến đấu. Trong tâm hồn của hàng triệu chiến sĩ ấy có cả lòng căm thù bọn xâm lược và bề lũ bán nước đang

đàn áp và tàn sát đồng bào miền Nam thân yêu, có cả tình yêu đối với chế độ XHCN đang được xây dựng từng ngày trên quê hương miền Bắc.

Để bảo vệ miền Bắc XHCN, hậu phương lớn của cách mạng cả nước, trong những năm khói lửa của chiến tranh quân và dân miền Bắc vừa hăng hái sản xuất, vừa chiến đấu ngoan cường trực tiếp đập tan hai cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

Những thành tựu trong sản xuất và chiến đấu, cùng với sự hỗ trợ và giúp đỡ toàn diện về tinh thần và vật chất của quân và dân miền Bắc đã tạo thêm sức mạnh cho nhân dân miền Nam anh dũng xóc tới, liên tiếp đánh bại bốn chiến lược chiến tranh của Mỹ- Ngụy, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi cuối cùng vào mùa xuân 1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Có thể nói, trong những năm chống Mỹ, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam kiểu mới đã phát triển lên một bước mới, và tiếp tục trở thành động lực tinh thần cho toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Chủ nghĩa yêu nước do đó đã được phát huy đến đỉnh cao, biến thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng chói ngời chính nghĩa, biểu trưng cho sức mạnh, niềm tin và phẩm giá của dân tộc và loài người tiến bộ.

Hơn một thế kỷ đã qua kể từ khi chủ nghĩa thực dân Pháp nổ súng xâm lược đất nước ta ở Đà Nẵng đến lúc giải phóng miền Nam, hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước (1858 - 1975), nhân dân ta trải qua biết bao gian khổ, hy sinh để đấu tranh bảo vệ và giành lại nền độc lập tự do cho Tổ quốc. Trong những cuộc trường chinh gian khổ và vĩ đại ấy, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã được biểu lộ mạnh mẽ và biến thành *sức mạnh nội sinh và động lực tinh thần* to lớn thúc đẩy và dẫn dắt cả dân tộc ta đi đến bến bờ độc lập

vinh quang, mang lại cơm no áo ấm và hạnh phúc cho nhân dân cả nước.

Ngày nay, trong bối cảnh cả nước đang bước vào thời kỳ CNH-HĐH, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam càng cần được tiếp tục phát huy, để trở thành bệ đỡ và sức mạnh tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hoá, tạo đà cho dân tộc ta dần dần cất cánh và nhanh chóng hoà cùng quỹ đạo vận hành của toàn nhân loại.

CHÚ THÍCH

1. Bảo Định Giang: *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX*. NXB Văn học, 1977, tr.241.
2. *Thơ văn Nguyễn Quang Bích*. NXB Văn hoá, H. 1961.
3. Phan Bội Châu. *Toàn tập*, Tập 6. NXB Thuận Hoá, 1990, tr. 121-122.
4. Phan Châu Trinh: *Đấu Pháp chinh phủ thư // Tuyển tập Phan Châu Trinh*. NXB Đà Nẵng, 1995, tr 325-351.
5. *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*. NXB Khoa học Xã hội, H, 1999, tr.219-220.
6. Phan Bội Châu. *Toàn tập*, Tập 6. NXB Thuận Hoá, 1990.
7. Trần Huy Liệu: *Đảng thanh niên*. NXB Sử học H, 1967.
8. Trần Xuân Trường: *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*. NXB Quân đội nhân dân, H, 1999, tr. 51-52.
9. Hồ Chí Minh: *Về Lenin và chủ nghĩa Lenin*. NXB Sự thật, H, 1977, tr. 63.
10. Hồ Chí Minh. *toàn tập*, Tập 10. NXB Chính trị Quốc gia, H, 1996, tr.127.
11. *Văn kiện Đảng (1930-1945)*, Tập 1. H, 1977, tr. 18.
- 12, 13. Nguyễn Lương Bằng: *Những lần gặp Bác (hồi ký) // Báo nhân dân*, số ra ngày 21/9/1969.
14. *Văn kiện Đảng (1930-1945)*. Sdd, H, tr. 19-20.
15. *Văn kiện Đảng (1939-1945)*, Tập 3. H, 1977, tr. 196.
16. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 3. NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, tr 554
17. *Hồ Chí Minh. toàn tập*, Tập 3. NXB Sự thật, H, 1980, tr. 557.
18. *Hồ Chí Minh. toàn tập*, Tập 4, Sdd, tr. 480.
19. *Hồ Chí Minh. toàn tập*, Tập 6. NXB Chính trị Quốc gia, H, 1996, tr. 172.
20. *Hồ Chí Minh. Toàn tập*, Tập 9. Nxb Chính trị Quốc gia, H,1996, tr. 173.